

Gom góp từ ngữ miền Nam và Sài Gòn xưa

Nguyễn Cao Trường



Bài này nhằm để ghi nhớ lại những từ mà ngày xưa người Sài Gòn/Miền Nam hay dùng, như: Mèn ơi, Nghen, Hén, Hen, Tà Tà, Thềm ba, Cà rịch cà tang, tàn tàn, ..., và những câu thường dùng như: Kêu gì như kêu đồ Thủ Thiêm, làm mư, cứng đầu cứng cổ, tháng mười mưa thúỉ đất, cái thằng trời đánh thánh đâm...

Xin nhờ bạn đọc comment thêm những từ nào còn nhớ để có thể góp nhặt ngổ hầu lưu lại những tiếng gọi, câu nói thân thương của người Sài Gòn và miền Nam trước đây, e rằng một ngày nào đó nó sẽ mai một...



Giọng nói, sự pha trộn của ngôn ngữ miền Bắc di cư vào những năm 1950 hòa cùng ngôn ngữ Sài Gòn, miền Tây đã tạo nên thêm một phong cách, giai điệu mới... Và bài hát “Cô Bắc Kỳ Nho Nhỏ” của nhạc sĩ Phạm Duy phổ thơ Nguyễn Tất Nhiên là hình ảnh cô gái chạy xe chậm rãi tỏ ra bất cần mấy anh chàng theo sau năn nỉ làm quen, không biết đã bao nhiêu lần làm băng khuâng xao xuyến lòng người nghe. Nhất là cái giọng người Bắc khi vào Nam đã thay đổi nó nhẹ nhàng, ngang ngang như giọng

miền Nam thì tiếng lóng miền Nam càng phát triển. Dễ nghe thấy, người Bắc nhập cư nói từ “Xạo ke” dễ hơn là nói “Ba xạo”, chính điều đó đã làm tăng thêm một số từ mới phù hợp với chất giọng hơn. Chất giọng đó rất dễ nhận diện qua những MC như Nam Lộc, Nguyễn Ngọc Ngạn mà các chúng đã từng nghe trên các video chương trình Ca nhạc, kể chuyện, ...

Đặc biệt trong dịch thuật, nếu không am hiểu văn nói của Sài Gòn miền Nam, nếu dùng google dịch thì câu “qua biểu hồng qua qua qua đây cũng dzậy” (câu gốc: Hôm qua qua nói qua qua mà qua hồng qua, hôm nay qua nói qua hồng qua mà qua qua), google nó dịch ra như vậy: “through through through through this gaping expression too”. Ông Tây đọc hiểu được ý thì chịu chết... Hay như câu “giỏi dữ hôn” thì google dịch cũng ngất ngư con lạc đà...

Trong văn nói, người Miền Nam hay dùng điệp từ cùng nguyên âm, hay phụ âm, hoặc dùng hình tượng một con vật để tăng cấp độ nhấn mạnh: như bả láp bả xàm, cà chớn cà cháo, sai bết bêng beng (từ bêng beng không có nghĩa), ... sai đứt đuôi con nòng nọc, ... chắc là phải cả pho sách mới ghi lại hết...

Ai người miền Nam thì cũng hiểu câu này: “thôi tao chạy trước tụi bây ở lại chơi vui hén”, ở đây chạy cũng có nghĩa là đi về, chứ không phải là động từ “chạy = to run” như tiếng Anh.

Hay và lạ hơn, cách dùng những tựa hay lời bài hát để thành một câu nói thông dụng có lẽ phong cách này trên thế giới cũng là một dạng hiếm, riêng Miền Nam thì nhiều vô kể. Thí dụ: Khi nghe ai nói chuyện lặp đi lặp lại mà không chán thì người nghe ca một đoạn: “Nhắc chi chuyện cũ thêm đau lòng lắm người ơi!”, hoặc khi sắp chia tay thì lại hỏi: “Đêm nay ai đưa em về?”. Người ngoại quốc ai không biết cứ tưởng là người đó đang ca chứ hồng phải đang hỏi mình, như khi nghe ai nói chuyện mà chuyện này ai cũng biết rồi thì lại nói: “Xưa rồi Diễm...” với cái giọng mà âm “...i...ẽ...m...” kéo dài tha thướt.

Tuy nhiên, do những từ này được trình bày bằng chữ nghĩa nên cách xài nhấn âm, lên giọng của người Miền Nam không thể biểu lộ hết cái hay của nó, ví dụ như riêng câu: “thằng cha mày, làm gì mà mồ hôi đổ ướt hết áo dzậy?”. Cụm từ “thằng cha mày” kéo dài hơi lại có nghĩa là gọi yêu thương chứ không phải la mắng, tương tự khi mấy cô gái nguyệt (nói): “Xí! Hồng chịu đâu”, “Xí! Cha già dịch nè!”, “Sức máy!”, “Ông nói gì tui ưa hồng nổi nha!”, “Cha già khó ưa!” với cách nhấn giọng thì nghe rất dễ thương và dịu dàng nhưng khó gần lắm à ghen. Nhưng đến khi nghe câu: “Tui nói lần cuối, tui hồng giỡn chơi với Ông nữa đâu đó ghen!” thì coi chừng... liệu hồn đó.

Thật ra không phải người Sài Gòn ai cũng xài hết mấy từ này, chỉ có người bình dân mới dám xài từ như “Mả cha, Tổ mẹ” để kèm theo câu nói mà thôi. Dân nhà trí thức ít ai được ba má cho nói, nói ra là vả miệng không kịp ngáp luôn, giáo dục ngày xưa trong gia đình rất là khó, nhất là mấy người làm bên nghề giáo dạy con càng khó dữ nữa.

Ra đường nghe mấy đứa con nít nói “DM” thậm chí còn không hiểu nó nói gì, về nhà hỏi lại chữ đó là gì, chưa gì đã bị cấm tiệt không được bắt chước, lúc đó chỉ nghe Ba Má trả lời: “Đó là nói bậy không được bắt chước đó ghen!”

Chưa kể tới chuyện người lớn đang ngồi nói chuyện mà chạy vô xâm xập hỏi thì cũng bị la rầy liền: “Chỗ người lớn nói chuyện không được chen vô nhớ chưa?”

Đến năm 1980 thì giáo dục cũng khác hẳn ngôn ngữ bắt đầu đảo lộn ở cấp tiểu học... tiếng Sài Gòn dần dần bị thay đổi, đến nay trên các chương trình Game Show chỉ còn nghe giọng miền Nam với câu nói: “Mời anh trả lời ạ”, “Các bạn có thấy đúng không ạ”, ạ... ạ... ạ... cái gì cũng ạ... làm tui thấy lạ.

Thêm nữa, bây giờ mà xem phim Việt Nam thì hình như không còn dùng những từ ngữ này, khi kịch bản phim, hay tiểu thuyết đặt bối cảnh vào thời điểm xưa mà dùng ngôn ngữ hiện đại lồng vào, coi phim nghe thấy nó lạ lạ làm sao đâu á...

Tò te tí te chút, mong rằng các bạn khi đọc những từ này sẽ hồi tưởng lại âm hưởng của Sài Gòn một trời thương nhớ!

Trân trọng,



A-ma-tua(o) = hồng chuyên nghiệp (gốc Pháp amateur)

À nha = thường đi cuối câu mệnh lệnh dặn dò, ngăn cấm (không chơi nữa à nha)

Áng chừng, đầu chừng, hồng chừng, để chừng = dự đoán (từ đây qua kia áng chừng 500 thước – Đầu chừng thẳng Sáu chiều nay nó dĩa tới đó bậy)

Anh em cột chèo

Áo ca-rô = áo kẻ ô (bắc)

Áo thun ba lá = Áo thun ba lỗ, Áo May Ô (bắc) gốc Pháp maillot

Áp-phe = trứng mảnh, vô mảnh (chạy áp-phe vớt cú chót kiếm tiền!) gốc tiếng Pháp affaires

Áp-phê = hiệu ứng, hiệu quả (billard: để hết áp-phê bên trái chúi đầu cơ xuống kéo nhẹ là nó qua liền hà)

Ăn coi nôi, ngòi coi hương = Ăn trông nôi, ngòi trông hương

Ăn cộc đi con = ăn nhiều dồ (Gò Công)

Ăn hàng = ăn uống, đi ăn cái gì nhẹ như chè, chứ không phải ăn cơm trưa-chiều.
(Thường chỉ có con gái mới dám đi ăn hàng, hồi xưa con trai không dám đi ăn hàng vì bị chọc thì mắc cỡ lắm, thêm nữa, gia đình giáo dục con trai khác với con gái, thường Ông Bà Bô hay nói: “con trai phải ra con trai nhen, ai đòi con trai mà ăn hàng như con gái”. Con gái mà đi ăn hàng nhiều cũng bị la rầy. (sau này mấy tay trộm cướp cũng xài từ “ăn hàng”, tức là đi giựt dọc, cướp bóc từ sau 1975)

Âm binh = Cô hồn, các đảng, phá phách (mấy thằng âm binh = mấy đứa nhỏ phá phách)

Bà chằn lữa = người dữ dằn (dữ như bà chằn)

Bá chấy, bá phát = quá xá – Ngon bá chấy bò chét chó! Là ngon quá trời đất luôn!

Ba ke, Ba xạo = xạo – sau này (1975) có thêm chữ ba đĩa rồi bớt dần thành đĩa (đừng có đĩa = đừng có nói xạo)

Ba lăm = 35 = già dê (dê 35)

Ba lơn = tính hay đùa cợt, chòng ghẹo người khác nhưng không gây hại, hoặc có chủ đích hại người

Bá Láp Bá Xàm = Tầm xàm – Bá láp

Bà tám = nhiều chuyện (thôi đi bà tám = đừng có nhiều chuyện nữa, đừng nói nữa)

Ba Tăng = Bảo kê gốc Pháp patente

Bang ra đường = chạy ra ngoài đường lộ mà không coi xe cộ, hoặc chạy ra đường đột ngột, hoặc chạy nghênh ngang ra đường

Bành ki = bự

Banh ta lông = như hết chuyện (gốc từ cái talon của vỏ xe)

Bánh tòn, Sáu bánh = đẹp ra dáng (mặt đồ vô thấy bánh tòn ghê nha)

Banh xà lỏn

Bạt mạng = bắt càn, không nghĩ tới hậu quả (ăn chơi bạt mạng)

Băng = nhà băng, ngân hàng gốc Pháp (banque)

Bặc co tay đôi = đánh nhau tay đôi

Bắt ké: là do PORKAI KUDA mà ra, Pơkai = Thẳng vào xe, Kuda = Con ngựa.

Bặm trợn = trông dữ tợn, dữ dằn

Bất thành linh = đột ngột, Bất tử

Bầy hầy = bê bối, ở dơ

Bẹo = chung ra, Bệu (gốc từ cây Bẹo gắn trên ghe để bán hàng ở chợ nổi ngày xưa)

Bẹo gan = chọc cho ai nổi điên, ứa gan

Bề hội đồng = hiệp dâm tập thể

Bển = bên đó, bên ấy (tụi nó đang chờ con bên bển đó!)

Bí lù = không biết đường trả lời, không biết

Bí xì = buồn

Biết đâu nà, biết đâu nè, = biết đâu đấy

Biết sao hôn!

Biệt tung biệt tích, biệt tâm biệt tích, mất tích, mất tiêu, đâu mất = không có mặt, mất dấu

Biểu (ai biểu hông chịu nghe tui mần chi! – lời trách nhẹ nhàng) = bảo, nhưng câu “ai biểu” thì lại có hàm ý người kia: “tự làm thì tự chịu”

Bình thủy = phích nước

Bình-dân = bình thường

Bít bùng

Bo bo xì = nghỉ chơi không quen nữa (động tác lấy tay đập đập vào miệng vừa nói của con nít)

Bỏ qua đi tám = cho qua mọi chuyện đừng quan tâm nữa (chỉ nói khi người đó nhỏ vai vế hơn mình)

Bỏ thí = bỏ

Bồ = gọi bạn thân thiết (Ê chiều nay bồ rãnh tạt qua nhà chờ tui đi luôn nghen)
Bồ đá = bị bạn gái bỏ
Bội phần, muôn phần = gặp nhiều lần
Bồn binh = Bùng binh, vòng xoay (nay)
Buồn xo, buồn hiu = rất buồn (làm gì mà coi cái mặt buồn xo dậy?)
Buột = cột
Bữa = buổi/từ đó tới nay (ăn bữa cơm rồi về / bữa giờ đi đâu mà hông thấy qua chơi?)
Cà chớn cà cháo = không ra gì
Cà chớn chống xâm lăng. Cù lằn ra khói lửa. (một câu nói trong thời chiến)
Cà giựt = lảng xãng, lộn xộn
Cà kê dê ngỗng = dài dòng, nhiều chuyện
Cà lăm = nói lấp
Cà Na Xí Muội = chuyện không đâu vào đâu
Cà nghinh cà ngang = nghênh ngang
Cà nhõng = rãnh rỗi không việc gì để làm (đi cà nhõng tới ngày), có khi gọi là nhõng nhõng
Cà lơ phát phơ
Cà rem = kem
Cà rề, Cà rịt cà tang = chậm chạp
Cà rịch cà tàng
Cà rờn = giỡn chơi cho vui, ngoài ra cũng có nghĩa như ba lơ
Cà tàng = bình thường, quê mùa,
Cà tong cà teo = ốm, gầy yếu
Cà tung cà tưng
Cái thàng trời đánh thánh đâm
Cầm rằm = nói tầm lum không đâu vào đâu/nói nhây
Cạn tàu ráo máng; ăn cháo đá bát = vô ơn
Càng quấy = phá phách hư hỏng
Cạo đầu khô
Cảo = kéo, rít (cạo điều thuốc gần tới đót)
Cảo Dược = làm cho thặng
Có chi hông? = có chuyện gì không?
Coi = thử; liền vd: Nói nghe coi? Làm coi
Coi bộ ngon ăn, ngon ăn đó nghen = chuyện dễ ăn (không liên quan tới ngon dở – chuyện này làm coi bộ ngon ăn đó nghen!)
Coi được hông?
Còn ai trông khoai đất này = chính là tôi, “tôi đây chờ ai”
Còn khuya = còn lâu (uh! mà ngon nhào vô kiếm ăn, còn khuya tao mới sợ mà!)
Con ở = người ở, (nay Oshin từ tựa đề bộ phim của Nhật)
Cô hồn, các đấng
Công tử bột = nhìn có dáng vẻ thư sinh yếu đuối- Xem thêm
Cù lằn, cù lằn lửa = từ gốc từ con cù lằn chậm chạp, lè mè, chỉ người quá chậm lụt trong ứng đối với chung quanh... (thằng này cù lằn quá!)
Cua gái = tán gái
Cụng = chạm
Cuốc = chạy xe (tui mới làm một cuốc từ Hocmon dzia Sài Gòn cũng được trăm hai bỏ tui!)
Cưng = cách gọi trêu mếu (“Cưng” dân Trảng bàng nè! Trên cưng ”dần” ”sài” ”dậy” hà)
Cứng đầu cứng cổ

Chả = Cha đó

Chà bá, tổ chẳng, chà bá lĩa = to lớn, bự

Cha chả = gần như từ cảm thán “trời ơi!” (Cha chả! hôm rày đi đâu biệt tích dzậy ông?)

Chàng hăng chề hề = banh chân ra ngời (Con gái con đũa gì mà ngời chàng hăng chề hề hà, khớp chun lại cái coi!)

Cháy túi = hết tiền

Chạy, Dọt, Chấu = đôi khi cũng có nghĩa là đi về (thôi tụi bây ở chơi tao chạy (dọt) trước à!) Chấu: 走 nguyên gốc âm lấy từ tiếng Quảng Đông

Chạy te te = chạy một nước – Con nhỏ vừa nghe Bà Hai kêu ra coi mắt thì nó xách dĩa chạy te te ra đằng sau trốn mắt tiêu rồi

Chạy tẹt ga, đập hết ga = kéo hết ga, hết sức – cũng có nghĩa là chơi thoải mái – “mày cứ chơi “tẹt ga” (mát trời ông địa) đi, đừng có sợ gì hết, có gì tao lo” (ga = tay ga của xe)

Chạy u đi

Chạy vắt giò lên cổ, Chạy sút quần, Chạy đứng tóc = chạy không kịp thở

Chần ăn trần quần = dừ dừ

Chăm bẳm = tập trung (dòm cái gì mà dòm chi chăm bẳm vậy?)

Chậm lụt = chậm chạp, khờ

Chận họng = không cho người khác nói hết lời

Chém vè (dè) = trốn trốn cuộc hẹn trước

Chén = bát

Chèn đét oi, mèn đét oi, chèn oi, Mèn oi = ngạc nhiên

Chèo queo = một mình (làm gì buồn nằm chèo queo một mình dậy?)

Chết cha mày chưa! có chiện gì dậy? = một cách hỏi thăm xem ai đó có bị chuyện gì làm rắc rối không

Chì = giỏi (anh ấy học “chì” lắm đó).

Chiên = rán

Chình ình, chần dằn = ngay trước mặt (Nghe tiếng gọi thằng Tư quay đầu qua thì đã thấy tui chình ình trước mặt)

Chịu = thích, ưa, đồng ý (Hổng chịu đâu nha, nè! chịu thằng đó không tao gả luôn)

Chở mũi, chở mỗ = xía, xen vào chuyện người khác

Chỏi lợi = chỏi sáng

Chổng mông = mệ bở hơi tai (làm chổng mông luôn dầy nè)

Chỗ làm, Sở làm = hăng xướng, cơ quan công tác

Chột dạ = nghe ai nói trúng cái gì mình muốn dẫu

Chơi chỏi = chơi trội, chơi qua mặt

Chùm hum = ngời bó gối hoặc ngời lâu một chỗ không nhúc nhích, không quan tâm đến ai (có gì buồn hay sao mà ngời chùm hum một chỗ dậy?)

Chun = chân

Chưng hững = ngạc nhiên

Chưng ra = trưng bày

Dạ, Ủa (ừa / ừ chỉ dùng khi nói với người ngang hàng) = Vâng, A

Dạo này = thường / nhiều ngày trước đây đến nay (Dạo này hay đi trễ lắm nghen! / thường)

Dấm da dấm dẳng

Dân chơi cầu ba căng = dân giang hồ – cũng có nghĩa khác là chịu chơi nữa (nhìn mày giống dân chơi cầu ba căng quá)

Dậy, không có dầy dzô nó nghe chưa = không được dính dáng đến người đó

Dè chừng = coi chừng (Tui lỡ nói lớn chút ai dè nó nghe được, chứ thiệt tình tui đâu có muốn)

Dễ tào = dễ sợ

Dì ghẻ = mẹ kế

Dị hợm = quái dị, không giống ai –

Dĩa = Đĩa

Diễn hành, Diễn Binh = diễn hành, diễn binh (chữ diễn bây giờ dùng không chính xác, thật ra là “diễn” mới đúng)

Điều dờ = ?

Dọt lẹ

Dô diên (vô duyên) = không có duyên (Người dàu mà vô diên thúii vậy đó hà – chữ “thúii” chỉ để tăng mức độ chứ không có nghĩa là hôi thúii)

Dù = Ô

Du ngoạn = tham quan

Dục (vụt) đi = vọt bỏ đi (giọng miền nam đọc Vụt = Dục âm cờ ít đọc thành âm tờ, giống như chữ “buồn” giọng miền nam đọc thành “buồng”)

Dùng dằng = ương bướng

Dữ dā, Dữ hôn và ...dữ ...hôn... = rất (giỏi dữ hén cũng có nghĩa là khen tặng nhưng cũng có nghĩa là đang răn đe trách móc nhẹ nhàng tùy theo ngữ cảnh và cách diễn đạt của người nói ví dụ: “Dữ hôn! lâu quá mới chịu ghé qua nhà tui nhen”, nhưng “mày muốn làm dữ phải hôn” thì lại có ý răn đe nặng hơn) Dữ dā thường dùng cuối câu ” cái này coi bộ khó kiếm dữ dā”

Dzĩa, dề = về (thôi dzĩa ngen- câu này cũng có thể là câu hỏi hoặc câu chào tùy ngữ điệu lên xuống người nói)

Dừa dĩa (vừa) thôi nhen = đừng làm quá

Đá cá lẩn dĩa = lưu manh

Đa đi hĩa = đi chỗ khác.

Đã nha! = Sướng nha!

Đài phát thanh = đài tiếng nói

Đánh dây thép = gửi điện tín

Đàng = đường (Đi một đàng học một sần khôn)

Đánh đàn đánh đờ = Đánh đàn (học thì lo học không “đánh đàn đánh đờ” nhe hông) một cách để chê việc đánh đàn bằng cách ghép thêm hai từ láy đánh đờ phía sau.

Đánh tù xằm, Quảnh tù xì = oẳn tù tì (trò chơi bằng tay ra kéo, búa, bao) gốc từ tiếng

Anh: one two three

Đâm ra = thành ra

Đào hát = nữ diễn viên cải lương, Tài tử cải lương = nam

Đặng = được (Qua tính vậy em coi có đặng hông?)

Đầu đường xó chợ

Đen như chà dĩa (và) = đen thui, đen thùi lùii = rất là đen

Đẹp trai con bà Hai = đẹp

Đế = chen thêm (đang nói nó đế vô một câu chận họng làm tui câm luôn)

Đêm nay ai đưa em dĩa = hôm nay về làm sao, khi nào mới về (một cách hỏi) – từ bài hát

Đêm nay ai đưa em về của NA9

Đi bang bang = đi nghênh ngang

Đi bụi

Đi cầu = đi đại tiện, đi nhà xí

Đi mần = đi làm

Đồ bỏ đi = đồ hết xài (người gì xài hỏng dồ, đúng là đồ bỏ đi mà)

Đồ giã dịch = chê người mất nét tùy ngữ cảnh và cách nhấn âm, kéo dài thì sẽ có hàm ý khác

Đồ mắc dịch = xấu nét tuy nhiên, đối với câu Mắc dịch hông nè! có khi lại là câu nguyệt – khi bị ai đó chòng ghẹo

Đòn = đàn

Đùm xe = Mai-ơ

Đực rựa = đàn ông, con trai

Đừng có mơ, đừng có hùng

Được hem (hôn/hom)? = được không? chữ hông đọc trại thành hôn, hem hoặc hom

Gác dan = bảo vệ, người gác cổng (gốc Pháp: gardien)

Gần xịt = thiệt là gần

Gheo, chòng gheo = chọc quē

Ghét = tùy cách nhấn giọng và kéo dài thì ghét chưa chắc đã ghét mà chỉ là câu nói thể hiện thương, hay chấp nhận nữa hông chừng. Ngó nó mà thấy ghét ghê ê ê ê! (ghét thương) chớ hông phải NHÌN (giọng Bắc) thấy ghét. Dòm cái bản mặt nó mà phát ghét (ghét thiệt)

Ghê = rất – hay ghê há tùy theo ngữ cảnh và âm điệu thì nó mang ý nghĩa là khen hoặc chê

Ghê linh = em đẹp

Gớm ghiết = nhìn thấy ghê, không thích

Già dịch = Già dề

Già háp = già khăng, già cú đế

Giục giặc, hục hặc = đang gây gổ, không thèm nói chuyện với nhau (hai đứa nó đang hục hặc)

Ghi-dông, Bọt-ba-ga (guidon, porte-bagages)

Hãng, Sở = công ty, xí nghiệp

Hay như = hoặc là

Hầm = nóng (trời hầm quá ngòi không mà người nó đổ mồ hôi ướt nhep)

Hầm bà lằng (gốc tiếng Quảng Đông)

Hậu đậu = làm việc gì cũng không tới nơi tới chốn

Héo queo = xụi lơ, bi xị

Hết = chưa, hoặc chỉ nâng cao mức độ nhấn mạnh (chưa làm gì hết)

Hết tron hết trội = chẳng, không – “Hết Trội” thường đi kèm thêm cuối câu để diễn tả mức độ (Ở nhà mà hông dọn dẹp phụ tui gì hết tron (hết trội) á!)

Hôi mợi = thôi mày ơi

Hồi nảo hồi nào = xưa ơi là xưa

Hồi năm = lâu lắm rồi không nhớ ngày tháng

hôm bữa = hôm trước

Hôm rày, mấy rày = từ mấy ngày nay

Hông có chi! = không sao đâu

Hông chịu đâu

Hổng thích à nhen!

Hông xi nhê = không ăn thua, không có ý nghĩa gì hết, (Kiếm nhiều đây tiền đâu có xi nhê gì) gốc Pháp signifier

Hột = hạt (hột đậu đen, đỏ) miền nam ghép cả Trứng hột vịt thay vì chỉ nói Trứng vịt như người đàng ngoài

Hờm = chờ sẵn (tui hờm sẵn rồi chỉ chờ thằng kia nó chạy ra là tui cho nó một đá cho nó lăn cù mèa luôn)

Hợp gu = cùng sở thích (goût)

Hớt hơ hớt hãi = hấp tấp và sợ hãi (nó hớt hơ hớt hãi chạy vào báo tin)

Hú hồn hú vía

Kẻo = coi chừng (Trời ui ui! giờ không đi sớm kẻo trời nó mưa là ướt chèm nhep luôn đó nhe)

Kể cho nghe nè! = nói cho nghe

Kêu gì như kêu đồ thủ thiêm = kêu lớn tiếng, kêu um trời, ... xem thêm bài kêu đồ Thủ Thiêm

Kêu giựt ngược = kêu gấp bắt buộc người khác phải làm theo ý mình (kêu cái gì mà kêu như giựt ngược người ta hà!)

Kinh thiên động địa

Khán thính giả (người xem kịch, cãi lương, truyền hình,...) trong đó **Khán** (看): xem – **Thính** (聽): nghe, **giả** (者) = người, tổng hợp lại là người nghe nhìn, giờ thì kêu ngắn gọn là khán giả: chỉ biết xem mà không nghe được, đỡ cãi

Khính = ké – mặc đồ khính, đi ăn khính, ...

Khỉ đột

Khỉ gió

Khỉ khô

Khó ưa = chê nhưng có lúc lại là khen. (Mặt thẳng nhỏ khó ưa quá hà!)

Khoái tử = thích gần chết

Không thềm = không cần (Làm gì dữ dạ tui đâu có thềm đâu mà bày đặt như qua như lại trước mặt tui?)

Lâu lắc = chậm trễ, trễ nãi hàm ý trách móc (Kêu hoài sao ko mở cửa, làm gì trong trong mà lâu lắc vậy?)

Lai căng = không nguyên bản

Làm (mần) cái con khỉ khô = không thềm làm

Làm (mần) dzậy coi được hông?

Làm dzậy coi có dễ ưa không? = một câu cảm thán tỏ ý không thích/thích tùy theo ngữ cảnh

Làm gì mà toành hoành hết zậy

Làm mướn = làm thuê

Làm nư = lì lợm, làm cho lợi gan

Làm um lên = làm lớn chuyện

Lán cón = bảnh bao (có thể do hồi xưa ra đường chải đầu tóc bóng mượt, đánh giày bóng như gương, quần áo thẳng thớm nên ra từ này)

Lanh chanh

Lạnh xương sống

Lao-cần (cách dùng từ của Ông Nguyễn Văn Vĩnh có gạch nối ở giữa)

Láo-háo = khoảng chừng (tuổi nó láo háo cỡ tuổi tao chứ mấy)

Lao-tỏn (cách dùng từ của Ông Nguyễn Văn Vĩnh có gạch nối ở giữa)

Lặc lia = muốn rút ra, rời ra nhưng vẫn còn dính với nhau chút xíu

Lặc lia lặc lợi = ?

Lắm à nhen = nhiều, rất (thường nằm ở cuối câu vd: thương lắm à nhen)

Lăn cù mèo = lăn long lóc, té ngửa

Lắc lư con lặc đù = nghiêng qua nghiêng lại

Làm làm lì lì = không nói không rằng mặt nghiêm tỏ ý không thích

Lần = tìm kiếm (biết đâu mà lần = biết tìm từ chỗ nào)

Lần mò = tìm kiếm, cũng có nghĩa là làm chậm chậm (thằng tám nó lần mò cái gì trong đó dzậy bây?)

Lấy le = khoe đồ

Lẹt đẹt = ở phía sau, thua kém ai (đi lẹt đẹt! Làm gì (làm cái gì) mà cứ lẹt đẹt hoài vậy)

Leo cây; leo cây me = thất hẹn; Xong! này giờ chờ thấy bà, chắc thằng Tám nó cho tui mình leo cây rồi.

Lèo = thất hẹn – hứa lèo

Lề mề

Lên bờ xuống ruộng

Lên hơi, lấy hơi lên = bực tức (Nghe ông nói tui muốn lên hơi (lấy hơi lên) rồi đó nha!
Liệu = tính toán (thằng Ba liệu coi đi sớm một chút kéo bị kẹt xe thì lỡ hết chiện đó nhen!)
Liệu hồn = coi chừng
Líp-ba-ga = mút mùa Lệ Thủy, thoải mái
Lóng rày = hôm rày (thời gian gần đây)
Lô = đồ giả, đồ dở, đồ xấu (gốc từ chữ local do một thời đồ trong nước sản xuất bị chê vì xài không tốt)
Lộn = nhầm (nói lộn nói lại)
Lộn xộn = làm rối
Lục cá nguyệt: sáu tháng. Ví dụ: Nộp báo cáo sáu tháng một lần: Nộp báo cáo lục cá nguyệt.
Lục đục = không hòa thuận (gia đình nó lục đục quài), đôi khi lại có nghĩa khác (Làm gì lục đục ở sau bếp hoài vậy bây?)
Lụi hụi = (Lụi hụi một hồi cũng tới rồi nè!)
Lùm xùm = rối rắm,
Lung tung xà beng
Lùng mắt = quen quá không còn sợ nữa (Chơi với nó riết nó lùng mắt mình luôn nhen)
Lười chầy thây; đại lãn; liệt = làm biếng
Má = Mẹ
Mã = Mô
Ma lanh, Ma le gốc Pháp (malin)
Mã tà = cảnh sát
Mari phong tên = con gái thành phố quê mùa
Mari sên = sên cải lương
Mạnh giỏi = mạnh khỏe
Mát trời ông địa, tẹt ga = thoải mái
Máy lạnh = máy điều hòa nhiệt độ
Mắc cười = buồn cười
Mắc dịch = Mát nết, không đàng hoàng, lảng lơ, xỏ lá, bỡn cợt. Nhưng cũng có nghĩa nói ngầm là đồng ý nữa, thí dụ: “Giữ đi, mắc dịch không hà trả lại tui màn chi?”
Mắc địt = dỡ ẹt; một cách chê cái gì đó dở
Mặt chù ụ một đống, mặt chằm dằm
Màn ăn = làm ăn
Màn chi = làm gì
Mây = mày (thôi nghen mây = đừng làm nữa)
Mé = phía (nhà ông ở xích mé bên kia kia)
Mé = tía nhánh
Mè nheo = Mèo nheo
Méo xẹo, buồn hiu = thất vọng (cầm bài thi nhìn điểm xong thằng Tư mặt méo xẹo, về nhà thể nào cũng bị Ba rầy)
Mét = mách
Miệt = kèm theo để chỉ một vùng đất, địa danh Miệt Hóc Môn, Miệt dưới, Miệt vườn
Miệt, mai, báo, tí, nóc... chò = 1, 2, 3, 4, 5.... 10.
Mình ên = một mình (đi có mình ên, làm mình ên) gốc K'mer
Mò mẫm rờ rẫm sờ sẫm (hài) = mò
Mở bum, mở ban: Mở party nháy đăm
Mợi = mảy ơi
Mồ tổ! = câu cảm thán
Một lèo, một hơi = một mạch
Muống = Thìa, Múi

Mút mùa lệ thủy = mát tiêu

Mút chỉ cà tha

Mừng hóm

Mưa thúi đất (nam bộ) xem thêm tháng mười “mưa thúi đất” để rõ hơn

Nam Tàu Bắc Đẩu

Nào giờ = từ trước tới nay

Năn nỉ ỉ ôi

Niêng xe = vành xe

Nói nghe nè!

Nón An toàn = Mũ Bảo hiểm

Nổ banh xác = nói láo

Nổ dũ dũ = quăng lựu đạn (ngày xưa có chuyện hay chơi “lựu đạn” vô chợ khùng bỏ dân lành)

Nồi cơm tam bành = giận dữ

Nước lên, nước xuống, nước ròng (thủy triều)

Nước phun-tên = nước thủy cục, nước máy, gốc Pháp fontaine

Ngang Tàng = bắt cần đời

Nghen, hén, hen, nhen

Nghía = ngắm

Ngó = Nhìn, dòm

Ngó lơ = làm lơ, nhìn chỗ khác không để ý tới ai đó

Ngoại quốc = nước ngoài

Ngõ đường = ngã đường (ngõ ba ngõ tư)

Ngon bà cố = thiệt là ngon

Ngộ = đẹp, lạ (cái này coi ngộ hén)

Ngồi chồm hồm = ngồi co chânchỉ động tác co gập hai chân lại theo tư thế ngồi ...

Nhưng không có ghé hay vật tựa cho hông và lưng ... (Chợ chồm hồm – chợ không có sạp)

Ngủ nghệ

Ngựa đực, Ngựa cái = xăn xẹ

Người Thượng = người dân tộc miền núi

Nhá qua nhá lại

Nhà đèn = công ty điện lực

Nhà thép = buro điện – Đánh dây thép

Nhà thuốc GÁC = nhà thuốc Tây bán 24/24

Nhan nhãn = thấy cái gì nhiều đặng trước mặt

Nhào vô kiếm ăn, ngon vô đây = thách đó (dám chơi hông, ngon vô đây!)

Nhắc chi chuyện cũ thêm đau lòng lắm người ơi! = đừng nhắc chuyện đó nữa, biết rồi đừng kể nữa – trích lời trong bài hát Ngày đó xa rồi

Nhậu = một cách gọi khi uống rượu, bia (Nói gì thì nói giờ nhậu cái đã)

Nhí nhảnh

Nhiều chiện = nhiều chuyện

Nhìn khó ưa quá (nha) = đôi khi là chê nhưng trong nhiều tình huống lại là khen đẹp nếu thêm chữ NHA phía sau

Nhóc, đầy nhóc = nhiều

Nhột = buồn

Nhữ qua nhữ lại = đưa qua đưa lại cái gì đó trước mặt ai (tương tự “nhá qua nhá lại – nhá tới nhá lui” nhưng cấp độ mạnh hơn)

Nhựt = Nhặt

Òm = dễ òm, dị òm, ...

Oải chè đậu; quải chè đậu

Ông bà ba = ba má (thường những người có học vấn thì dùng từ này để nói chuyện với bạn về ba má mình)

Ông bà ông giải = Ông bà ông vãi (bắc)

Ông Cò = cảnh sát

Ông, Bà, Cổ, Chả = **Ông, Bà, Cô, Cha** ấy = ông đó ông nói (ông ấy nói)

Pê Băm-Tám: đồ khui bia, khui nghe cái Bốp giống nổ súng P-38

Phi cơ, máy bay = tàu bay

Phờ râu = mệt

Qua bên bên, vô trong trong, đi ra ngoài,

Quá cỡ thợ mộc... = làm quá,

Qua đây nói nghe nè! = kêu ai đó lại gần mình

Quá xá = nhiều (đạo này kẹt chiện quá xá!)

Quá xá quà xa = quá nhiều, quá đã

Quắc cần câu = nhậu say hết biết đường

Quăng lựu đạn (ngày xưa hay có chuyện quăng “lựu đạn” vô chợ khủng bố dân lành)

Quần què = (từ tục) chỉ cái quần của phụ nữ ngày có kinh nguyệt, dơ

Quẩy = làm sai – dùng cho con nít thì lại khác, có ý là vừa quây phá vừa khóc (thằng nhóc này hay khóc quây quá!)

Quê một cục

Quê xệ

Què trót = huề vón, cũng như không

Quồn = rảnh rỗi

Quới ngon = **Quý nhân** =/= Cô hồn các đảng (Quới ngon = Quý ngon, quý nhân, người tốt đến giúp đỡ)

Ra giường (drap) = vải trải giường (tui không tính đưa từ này vô nhưng bây giờ họ xài từ chần, ga, gối, nệm nghe nó kỳ cục gì đâu, đã vậy còn dịch là khăn trải giường, khăn chỉ dùng để lau, cũng không thể nào lớn như cái tấm vải trải giường được)

Ra giêng = qua năm mới, qua tết

Rành = thành thạo, thông thạo, biết (tui hông rành đường này nhen, tui rành nó tới “sáu câu vọng cổ”).

Ráo = hét

Rạp = nhà hát (rap hát), dựng một cái mái che ngoài đường lộ hay trong sân nhà để cho khách ngồi cho mát (dựng rạp làm đám cưới)

Rân trời = Rân trời, um sùm

Rầu thúu ruột = Sầu thế thảm

Riết = liên tục, hoài – Mần riết = làm hoài

Ro ro = nhuần nhuyễn, (mới tập chạy xe honda mà nó chạy ro ro hà – nó trả bài ro ro)

Rốp rốp (miền Tây) = làm nhanh chóng

Rốt ráo (miền Tây) = làm nhanh chóng và có hiệu quả

Rũng rĩnh = có tiền trong túi

Ruột xe = xăm

Rượt = chạy đuổi theo

Sai bét bêng beng = rất sai, sai quá trời sai!

Sai đứt đuôi con nòng nọc = như Sai bét bêng beng

Sạp = quày hàng

Sáu Bành

Sấp nhỏ = tụi nhỏ, mấy đứa nhỏ

Sén = cái lương màu mè (mặt đồ gì sến quá trời dậy cha?) nhạc sến lại có ý nghĩa khác không phải là nhạc cải lương. Sến hồi xưa là người làm giúp việc trong nhà. Mary sến cũng có nghĩa là lèn xèn như người chị hai đầy tớ trong nhà.

Sên xe = xích góc pháp chain

Sếp phơ = Tài xế

Sợ teo bu gi : (sợ gần chết)

Sống lây lất qua ngày

Sụm bà chè = mệt mỏi, đi hết nổi

Sức mảy = **Sức mảy mà buồn** = đau buồn gì

Sườn xe = khung xe

Tả Pín Lù: Hầm bà lằng (góc Quảng Đông)

Tà tà, tàn tàn, cà rịch cà tang = từ từ

Tài lanh

Tài khôn

Tàn mạt = nghèo rớt mùng tơi

Tàng tàng = bình dân

Tào lao, tào lao mía lao, tào lao chi địa, tào lao chi thiên, ... chuyện tầm xàm bá láp = vớ vẩn

Tạt qua = ghé qua

Tàu hủ = đậu phụ

Tầm ruồng

Tầm xàm bá láp

Tần ngần = do dự (tần ngần tần ngần) Cậu Hai đứng tần ngần trước nhà cô Ba muốn gõ cửa mà không dám.

Tầy quây, tầm lum tà la = bừa bãi

Té (gốc từ miền Trung) = Ngã (ngã cái ịc -chú thích anh Tuấn Khải – Mắt chú Tỉng nó xụp thân dì mới chịu ngã cái ịc xuống gối ngủ hết biết đầu đít chỗ nào)

Tèn ten tén ten = chọc ai khi làm cái gì đó bị hư

Teo bu-gi = **Sợ gần chết** (bugi gốc Pháp bougie)

Tía, Ba = Cha

Tiền lính tính liền, tiền làng tàn liền ...!

Tó = lấy, bắt

Tò te tí te = Nói chuyện – “Coi đó! nó xẹt qua tò te tí te với tui mấy câu thì xẹt đi mất tiêu”

Tòn teng = đong đưa, đu đưa

Tổ cha, thàng chết bằm

Tốp nhỏ = nhóm người nhỏ tuổi (thường chỉ có người lớn tuổi gọi như vậy “Tốp nhỏ tụi bây coi đẹp đồ chơi cho lẹ lo rửa tay rồi lên ăn cơm nhen”)

Tới = đến (người miền Nam và SG ít khi dùng chữ đến mà dùng chữ tới khi nói chuyện, đến thường chỉ dùng trong văn bản)

Tới chỉ = cuối (Hôm nay chơi tới chỉ luôn!)

Tới đâu hay tới đó = chuyện đến rồi mới tính

Tui ưa dzụ (vụ) này rồi à nhen = tui thích việc này rồi (trong đó tui = tôi)

Tui, qua = tôi

Tụm năm tụm ba = nhiều người họp lại bàn chuyện hay chơi trò gì đó

Tử tế = tốt bụng

Tức cãnh hông = tức dữ lắm

Tháng mười mưa thúi đất

Thấy = quăng

Thăng = phanh

Thằng cha mày, ông nội cha mày = một cách nói yêu với người dưới tùy theo cách lên xuống và kéo dài âm, có thể ra nghĩa khác cũng có thể là một câu thóa mạ

Thâm căn cố đế = người sống ở vùng nào rất lâu rồi, dân gốc

Thậm thụt

Thân chủ = người khách quen thường xuyên

Thầy chạy

Thấy ghét, nhìn ghét ghê = có thể là một câu khen tặng tùy ngữ cảnh và âm điệu của người nói

Thấy góm = thấy ghê, tởm (cách nói giọng miền Nam hơi kéo dài chữ thấy và luyến ở chữ Thấy, “Thấy mà góm” âm mà bị câm)

Thấy góm = thấy ón

Thèo lẻo = mách lẻo (Con nhỏ đó chuyên thèo lẻo chuyện của mày cho Cô nghe đó!)

Thêm ba, hàng ba

Thêm thắc

Thí = bó thí, cho không, miễn phí, bỏ (thôi thí cho nó đi!) – xưa SG có nhà thương thí: bệnh nhân không phải trả tiền, thí ở đây không mang hàm ý xấu như bây giờ

Thí cô hồn

Thí dụ = ví dụ

Thiếu Tá lỗ: Thượng Sĩ, vì cái lon Thượng Sĩ giống Thiếu Tá nhưng có cái lỗ tròn

Thiệt hôn? = thật không?

Thiệt tình = cảm thán (thiệt tình! nói quai mà nó hông chịu nghe để giờ té nằm một đống)

Thính giả (người nghe radio, đài)

Thọc cù lét, chọc cù lét = làm cho ai đó bị nhột

Thôi đi má, thôi đi mẹ! = bảo ai đừng làm điều gì đó

Thôi hén!

Thơm = dứa, khóm

Thúi = hôi thối,

Thủng thủng, Thủng thỉnh = từ từ

Thủy cục = công ty cấp nước

Thưa rình thưa rảng = thưa thưa lác đác

Thước = 1 mét (Đo cho tui chừng 2 thước vải tui may cái áo dài cho sắp nhỏ)

Thưởng Lãm

Thưởng Ngoạn

Trà = Chè

Trả treo

Trăm phần trăm = cạn chén- (có thể gốc từ bài hát Một trăm em ơi – uống bia cạn ly là 100%)

Trật chĩa, trật đường rây = sai giờ giấc (Hẹn cho đã rồi không ra làm trật chĩa hết trơn hết trọi)

Trẹo Bàng họng, lẹo lưỡi = khó phát âm (nói muốn trẹo bàng họng)

Trên = trên ấy (lên trên Sài Gòn mua đi, ở trên có bán đồ nhiều lắm)

Trọ trẹ = giọng nói không rõ ràng

Tròm trèm = cũng cỡ, gần tới (tròm trèm 70 tuổi rồi)

Trời thần đất lở

Trời ui ui = trời hơi tối tối

Trụi lủi = nhẵn thín (cạo râu trụi lủi)

Trừ phi =

Trực thăng = máy bay lên thẳng

Tụi mình = chúng mình

Uể oải = mệt mỏi, lừ đừ

Um xùm

Ủa gan = chướng mắt

Ứng = đồng ý, thích, chịu, ... (Ứng ý)

Ướt chèm nhẹp

Ướt như chuột lột (miền Nam hay nói sai là ướt như chuột lột)

Ván ngựa = giống cái sập bằng cây mà hay gọi là đi-văng, có ba tấm gỗ dày đặt lên 2 cặp chân, gọi là bộ ngựa

Vậy = như vậy (làm vậy nè = làm như vậy nè)

Về xe = chán bùn xe

Vỏ xe = lớp

Xa lắ xa lơ: xa thiệt xa

Xả lảng sáng về sớm = Cứ thoải mái không lo gì hết

Xà ích (Sãi) có nghĩa là Thăng đánh xe, (1930 – không sử dụng nữa từ khi có xe hơi)

Xà lỏn, quần cụt = quần đùi

Xà quần gốc K'mer

Xài = dùng, sử dụng

Xảnh xẹ, Xí xọn = xảnh xẹ = làm điệu

Xe Cá = giống xe thổ mộ nhưng không có mui, dùng để chở hàng, không chở người. Xem thêm: xe cá

Xe ba gác = xe ba bánh dùng để chở đồ, xe ba gác máy (như xe ba gác nhưng gắn thêm máy chứ không đạp)

Xe cam nhông = xe tải

Xe đò = xe chở khách, tương tự như xe buýt nhưng tuyến xe chạy xa hơn ngoài phạm vi nội đô (Xe đò lục tỉnh)

Xe Honda = xe gắn máy (có một thời gian người miền Nam quen gọi đi xe Honda tức là đi xe gắn máy – Ê! máy tính đi xe honda hay đi xe đạp đây?)

Xe hơi = Ô tô con

Xe nhà binh = xe quân đội

Xe ôm

Xe thổ mộ

Xẹp lép = lép xẹp, trống rỗng (Bụng xẹp lép – đói bụng chưa có ăn gì hết)

Xẹt qua = ghé ngang qua nơi nào một chút (tao xẹt qua nhà thằng Tám cái đã ghen – có thể gốc từ sét đánh chớp xẹt xẹt nhanh)

Xẹt ra – Xẹt vô = đi ra đi vào rất nhanh

Xí = hồng dâm đầu/nguýt dài (cảm thán khi bị chọc ghẹo)

Xi-cà-que: đi cà nhắc

Xi nhan = ra hiệu (gốc từ tiếng Pháp signal)

Xi-tin = style

Xí xa xí xầm, xì xà xì xầm, xì xầm = nói to nhỏ

Xí xọn

Xí cái bùm bùm

Xía = chen vô (Xí! cứ xía dô chiện tui hoài ghen!)

Xía răng = không đủ chi phí (Làm muốn chổng mông mà hông đủ Xía răng nữa)

Xĩa xói = châm chọc

Xiết = Làm hết xiết (làm không nổi) Nhưng Ở một số vùng tây nam bộ (Cà Mau) cũng có nghĩa là : Nhanh- Ví dụ ; Làm xiết xiết = Làm nhanh nhanh , Chạy xiết đi = Chạy nhanh đi.

Xiên lá cành xiên qua cành lá = câu châm chọc mang ý nghĩa ai đó đang xỏ xiên mình (gốc từ bài hát Tình anh lính chiến- Xuyên lá cành trăng lên lều vải)

Xỏ lá ba que = giống như chém dè (vè), tuy nhiên có ý khác là cảnh báo đừng có xen vào chuyện của ai đó trong câu: “đừng có xỏ lá ba que nhe mậy”

Xỏ xiên = đâm thọt, đâm bị thóc chọc bị gạo, ... (ăn nói xỏ xiên)

Xú chiên = áo lót nữ – gốc tiếng Pháp (soutien-gorge)

Xì líp = quần lót

Xụi lơ

Xưa như trái đất, hồi năm, cái thời ông Cố ông Sơ ông Sờ ông Sầm = xưa thiệt là xưa

Xưa rồi diễm = chuyện ai cũng biết rồi (gốc từ tựa bài hát Diễm xưa TCS)

Y chang, Y đúc, Y khuông, y bon = giống nhau

Nguồn từ:

https://nhacxua.vn/gom-gop-tu-ngu-mien-nam-va-sai-gon-xua/?fbclid=IwAR2FxN4dXnKOHwYRA_AjOyP9Jo0MZdAanoxNipKaxflB8CFdOVHe_F9RTyg